

Số: 103 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 23 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Thực hiện Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Cần Thơ như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; phát triển sản xuất trồng trọt theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển hợp tác xã và theo định hướng thị trường trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa các đối tác, lấy doanh nghiệp làm trung tâm;

2. Sản xuất trồng trọt theo hướng xanh, hữu cơ, tuần hoàn, đa giá trị, phát thải thấp, nông nghiệp chính xác phù hợp với chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống; hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của tổ chức, cá nhân. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững tài nguyên thiên nhiên.

3. Phát triển các cây trồng lợi thế của vùng gắn công nghiệp chế biến, bảo quản, xuất khẩu. Thực hiện bảo tồn giống cây trồng đặc sản, bảo vệ di sản, cảnh quan, văn hóa trong nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái và xây dựng nông thôn mới.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển trồng trọt thành ngành kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh, chuyên nghiệp, tích hợp đa giá trị sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, vững chắc an ninh lương thực và các nhu cầu khác của nền kinh tế, gia tăng giá trị xuất khẩu; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống có hiệu quả thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân góp phần ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt bình quân 2,2 - 2,5%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt bình quân 8 - 10%/năm.

- Đảm bảo tưới chủ động trên 85% diện tích đất chuyên trồng lúa; 70% diện tích cây trồng cạn được tưới, trong đó ít nhất 30% diện tích có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, 100% vùng sản xuất tập trung được đầu tư hạ tầng thủy lợi đáp ứng nhu cầu thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương...) 10 - 15%, trồng trọt hữu cơ 1%. Tỷ lệ giá trị sản phẩm trồng trọt được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 30 - 35%.

- Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất trồng trọt đạt 200 triệu đồng.

- 100% diện tích trồng trọt trong vùng sản xuất tập trung được thiết lập mã vùng trồng.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phấn đấu đến năm 2050 trồng trọt thành ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại thuộc nhóm đứng đầu khu vực và thế giới. Các sản phẩm ngành trồng trọt được sản xuất theo nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, an toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường.

III. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chung

- Phát triển lĩnh vực trồng trọt theo hướng hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung sản xuất hàng hóa gắn với mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và gắn kết hiệu quả các thành phần trong chuỗi giá trị.

- Phát triển trồng trọt theo hướng tuần hoàn, phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường. Hướng sản xuất trồng trọt theo mô hình kinh tế tuần hoàn, nhất là chuỗi trồng trọt đầu ra của tiểu ngành này thành đầu vào chất lượng của tiểu ngành khác nhằm khai thác và sử dụng một cách hiệu quả các nguồn tài nguyên, hạn chế chất thải, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

- Nghiên cứu, chọn tạo, nhập nội, chuyển giao các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu và đáp ứng với yêu cầu đa dạng của thị trường. Bảo tồn, phục tráng, khai thác và phát triển giống cây trồng bản địa, đặc hữu có giá trị kinh tế cao, gắn với vùng sinh thái và chỉ dẫn địa lý. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu sản xuất giống theo hướng công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh liên kết công tư trong nghiên cứu, sản xuất cung ứng hạt giống cây giống có chất lượng cao, sạch bệnh.

- Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh giống cây trồng, tiếp tục quản lý chặt chẽ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, phát triển các chương trình IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong dự tính dự báo sinh vật gây hại cây trồng; kiểm soát tồn thất sau thu hoạch do sinh vật hại kho gây nên; bảo vệ sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái.

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, nhất là đất, nước theo nguyên tắc thị trường; kiểm soát mức độ suy thoái đất, duy trì bảo vệ độ phì đất, tối ưu hoá các mục đích sử dụng đất nông nghiệp; bảo đảm an ninh và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; tăng cường tạo nguồn, tích nước, điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước phục vụ nông nghiệp.

- Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai và hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất trên cơ sở hợp đồng tạo điều kiện thuận lợi để cấp chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa các bên tham gia; phát triển các chuỗi ngành hàng chủ lực.

- Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị trước hết đối với sản phẩm chủ lực tại các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn. Hình thành, phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh tại một số vùng sản xuất tập trung nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, thương mại của hàng nông sản. Phát triển và áp dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất nông sản cả về số lượng, chất lượng và gia tăng giá trị, nhất là công nghệ bảo quản lạnh.

- Phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo ổn định và nâng cao giá trị cho các sản phẩm trồng trọt. Xây dựng và phát triển thương hiệu một số nông sản chủ lực có lợi thế và khác biệt. Hình thành một số thị trường mở rộng chuỗi giá trị ngành trồng trọt.

- Gắn kết chặt chẽ ngành trồng trọt với chương trình phát triển du lịch nông nghiệp, chương trình phát triển công nghiệp chế biến và chương trình OCOP.

2. Định hướng phát triển một số cây trồng chủ lực

a) Lúa gạo

- Phát triển sản xuất lúa ở vùng quy hoạch tập trung được đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, hậu cần logistics. Giữ ổn định diện tích 48.000 ha đất trồng lúa, sản lượng trên 1 triệu tấn lúa, làm nòng cốt bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, chế biến, dự trữ và xuất khẩu. Trong đó, lúa đặc sản, chất lượng cao chiếm trên 90%, lúa sử dụng cho chế biến chiếm 10%.

- Sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng lúa. Bố trí cơ cấu giống, thời vụ gieo trồng theo hướng thuận thiên có kiểm soát thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung gieo trồng các giống lúa chất lượng cao theo nhu cầu của thị trường và áp dụng quy trình canh tác bền vững, giảm vật tư đầu vào; vùng chuyên sản xuất lúa hàng hóa, nâng tỷ lệ sử dụng giống xác nhận lên trên 90%, tập trung phát triển cơ giới hóa đồng bộ từ làm đất đến thu hoạch.

- Tăng chế biến sâu, phát triển đa dạng các sản phẩm có giá trị cao từ lúa, gạo, như tinh bột, thực phẩm chức năng, dầu ăn, bánh cao cấp, mỹ phẩm, dược liệu...; tăng chế biến các phụ phẩm lúa gạo (rom, rạ, trấu, cám) để tăng giá trị gia tăng từ lúa gạo.

b) Rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày

- Trên cơ sở phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu để tăng diện tích và đa dạng chủng loại, mùa vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đang tăng nhanh trong nước và xuất khẩu.

- Xây dựng các cụm liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ rau tại các địa phương, các vùng có sản lượng rau lớn. Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc.

- Sản xuất rau hướng vào nâng cao chất lượng, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

- Phát triển sản xuất nấm theo hướng kinh tế tuần hoàn.

c) Cây ăn quả

- Tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực tập trung trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái, gắn với phát triển các nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ. Ưu tiên phát triển một số cây ăn quả có lợi thế, có thị trường tiêu thụ như xoài, chuối, vú sữa, sầu riêng,...

- Đẩy mạnh rải vụ thu hoạch cây ăn quả gắn với liên kết vùng phát triển bền vững; phát triển nhanh các vùng sản xuất an toàn được chứng nhận VietGAP, GlobalG.A.P... được cấp mã số vùng trồng; áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản sản phẩm.

- Tăng cường chế biến, đa dạng hoá các sản phẩm, đặc biệt chế biến sâu gia tăng giá trị và tạo sự khác biệt của một số loại trái cây có lợi thế của Cần Thơ gắn với xây dựng và phát triển thương hiệu trái cây Cần Thơ với một số loại trái cây lợi thế.

d) Hoa kiểng, cây cảnh

Thành phố Cần Thơ có lợi thế về nhiều loại hoa và cây cảnh có giá trị kinh tế cao, đang được nhiều địa phương phát triển mạnh. Trong những năm tới tiếp tục mở rộng diện tích trên cơ sở phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng sinh thái, đặc biệt là truyền thống văn hóa, sản xuất hoa, cây cảnh của địa phương. Hình thành vùng sản xuất hoa, cây kiểng chuyên canh gắn với phát triển du lịch nông nghiệp. Khuyến khích các hình thức liên kết, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; ứng dụng khoa học, công nghệ mới, công nghệ số trong công tác quản lý, sản xuất, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

3. Định hướng phát triển trồng trọt các vùng sinh thái

Trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây hàng hóa tập trung chất lượng cao, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác hoặc nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và nước biển dâng. Nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện logistics và nâng cao năng lực chế biến nông sản kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, trong đó:

- Phát triển vùng chuyên canh sản xuất lúa với diện tích 48.000 ha tại các huyện Cờ Đỏ, Thới Lai, Vĩnh Thạnh.

- Vùng cây ăn trái tại huyện Phong Điền và các xã tiếp giáp trên địa bàn huyện Thới Lai (Trường Thành, Trường Thắng, Định Môn), xã Thới Hưng (Cờ Đỏ).

- Các quận Ô Môn, Thốt Nốt, Bình Thủy, Cái Răng: sử dụng linh hoạt đất trồng lúa chuyển sang phát triển các loại cây ăn trái có giá trị, phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật trồng trọt gắn với đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, tổ chức liên kết tốt tại các vùng chuyên canh.

2. Truyền thông nâng cao nhận thức

- Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò, tầm quan trọng của trồng trọt với các giá trị kinh tế, môi trường và ổn định xã hội. Tăng cường, đa dạng hóa các hình thức, nội dung truyền thông để người dân, doanh nghiệp và các thành phần xã hội nhận thức về chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp trong lĩnh vực Trồng trọt; tăng trưởng xanh; sản xuất tuần hoàn...

- Truyền thông phổ biến các văn bản pháp luật về lĩnh vực trồng trọt nhằm nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp và các tầng lớp xã hội có liên quan.

- Tuyên truyền thúc đẩy phát triển các giải pháp sản xuất trồng trọt ứng dụng công nghệ tiên tiến, kết hợp phát triển mạnh các thị trường, tích hợp đa giá trị trong lĩnh vực trồng trọt.

3. Đổi mới tổ chức sản xuất, kinh doanh

- Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại, hợp tác xã nông nghiệp; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ hiệu quả, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị và kinh tế số vào chuỗi giá trị.

- Triển khai xây dựng chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp, nhằm đảm bảo thực hiện tốt vai trò của hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp đem lại lợi ích thiết thực cho xã viên. Ưu tiên hình thành hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quản trị tiên tiến, đủ sức tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông dân, nhất là ở các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn.

- Triển khai các cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt, đặc biệt chế biến sâu, chế biến phụ phẩm áp dụng công nghệ cao đối với các ngành hàng có lợi thế gắn với tiêu thụ sản phẩm; sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật vi sinh, hữu cơ và các chế phẩm sử dụng trong trồng trọt thân thiện với môi trường; khuyến khích người sản xuất sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Chú trọng phát triển các tổ hợp nông, công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ với nông dân theo mô hình sản xuất nông nghiệp đa chức năng và phát triển bền vững.

- Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ đa dạng khác nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực trồng trọt.

- Phát huy vai trò các hiệp hội ngành hàng trong nghiên cứu, tổ chức sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ.

4. Phát triển thị trường nông sản

- Thường xuyên cập nhật thông tin thị trường nông sản hiện đại; nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu đối với từng loại nông sản để phổ biến thông

tin đến các địa phương, doanh nghiệp và người dân. Cập nhật thông tin về chính sách thương mại của các quốc gia và của từng thị trường về thị phần, thị hiếu, giá cả, rào cản kỹ thuật, thuế quan... để định hướng phát triển sản xuất, tiêu thụ.

- Tăng cường quản lý chất lượng từ khâu giống, canh tác đến thu hoạch, bảo quản, chế biến đảm bảo sản phẩm trồng trọt đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế. Áp dụng truy xuất nguồn gốc trong kinh doanh tiêu thụ nông sản.

- Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản; kết nối mạng lưới tiêu thụ với mục tiêu chung là tiêu thụ kịp thời, hiệu quả nông sản; nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của nông sản thành phố. Phát triển thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến địa phương, doanh nghiệp, người dân về mã số vùng trồng, các quy định của các nước nhập khẩu nông sản lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU ... để tạo điều kiện thâm nhập các thị trường này.

- Tăng cường các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản thông qua tham gia các hội chợ, triển lãm, hội thảo, diễn đàn, phát triển thương mại điện tử.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản ứng dụng công nghệ chế biến mới, nâng cao chất lượng hàng nông sản xuất khẩu, sản xuất các sản phẩm chế biến sâu, có thời gian bảo quản lâu, phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới ở các nước.

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, chỉ dẫn địa lý; tăng cường hoạt động kết nối các doanh nghiệp nông nghiệp nhằm đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản cho nông dân.

- Triển khai hiệu quả Đề án thành lập Trung tâm liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long.

5. Khoa học công nghệ và khuyến nông

- Nghiên cứu, chuyển giao khoa học và phát triển công nghệ, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và thị trường, khuyến khích đổi mới, sáng tạo để tạo ra các giá trị và sản phẩm mới.

- Tập trung xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực: Chọn tạo các giống lúa mới, giống cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa chủ lực có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận, sử dụng tiết kiệm nước và phân bón; bảo tồn, phục tráng, khai thác và phát triển các giống cây trồng bản địa, đặc hữu, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao, gắn với vùng sinh thái và chỉ dẫn địa lý; nghiên cứu sản xuất các loại phân bón công nghệ cao, chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học, KIT chẩn đoán bệnh, phát hiện dư lượng chất cấm, thuốc bảo vệ thực vật; nghiên cứu, đánh giá độ phì của đất canh tác và giải pháp quản lý, sử dụng, bổ sung dinh dưỡng, phục hồi đất, giảm phát thải khí nhà kính phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững.

- Tăng cường nghiên cứu, hoàn thiện và chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, sản xuất hữu cơ, tuần hoàn gắn với chuỗi giá trị cho các đối tượng cây trồng chủ lực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật hóa học, giảm chi

phí đầu vào, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường; công nghệ, thiết bị phục vụ cơ giới hóa, tự động hóa trong thu hoạch, sơ chế, bảo quản và chế biến sâu một số nông sản chủ lực.

- Thực hiện nghiên cứu theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp; kết hợp nghiên cứu với đào tạo và khuyến nông, giữa sản xuất và chế biến tiêu thụ sản phẩm tạo thành chuỗi nghiên cứu khép kín.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các Khu Nông nghiệp công nghệ cao; Trung tâm liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ... làm nòng cốt thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ gắn với đổi mới sáng tạo lĩnh vực trồng trọt. Xây dựng các vùng nông nghiệp công nghệ cao nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư sản xuất ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của các vùng sinh thái đặc biệt là các sản phẩm chủ lực.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt: xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt. Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh trồng trọt (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...). Phát triển quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến đến tiêu thụ tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy suất nguồn gốc sản phẩm. Kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia nông nghiệp, nông thôn phục vụ cho chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Triển khai các giải pháp để đẩy mạnh thiết lập, cấp quản lý mã số vùng trồng, quản lý nhật ký sản xuất, thúc đẩy thương mại điện tử, các giải pháp để kết nối sản xuất nông sản trồng trọt trong chuỗi giá trị gắn với du lịch nông nghiệp và sản phẩm OCOP.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu về quản lý vùng trồng, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh.

- Xây dựng và quảng bá nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao đặc biệt là mô hình tổ chức sản xuất mới: mô hình sản xuất áp dụng VietGAP, mô hình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mùa vụ; mô hình sản xuất thích ứng biến đổi khí hậu, mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi; mô hình nông nghiệp thông minh, tuần hoàn; sản xuất kết hợp du lịch sinh thái... Tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô cho nhiều địa phương.

6. Đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ trồng trọt, bảo vệ thực vật các cấp, nhất là cấp cơ sở. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật trồng trọt, quản lý sinh vật gây hại và an toàn thực phẩm cho nông dân thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Đào tạo nguồn nhân lực phù hợp kinh tế thị trường trên cơ sở khai thác các chương trình khuyến nông, đào tạo nghề và doanh nghiệp tham gia đầu tư theo hướng xã hội hóa.

- Chú trọng đào tạo cán bộ các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, nông nghiệp tuần hoàn như giống, canh tác, công nghệ chế biến sản

phẩm trồng trọt,... tạo điều kiện cho các chuyên gia nước ngoài, cán bộ trẻ tham gia hợp tác nghiên cứu và hoạt động giảng dạy trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, chế biến các sản phẩm cây trồng.

- Mở rộng các hình thức đào tạo đội ngũ kỹ thuật trồng trọt, bảo vệ thực vật thực hành và đào tạo nghề cho người sản xuất trồng trọt.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nông nghiệp và hợp tác xã, trong đó đặc biệt là đội ngũ quản lý hợp tác xã, thành viên, người sáng lập khởi nghiệp các hợp tác xã nhằm trang bị kiến thức đảm bảo hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

7. Xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng

- Phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu gắn với xây dựng đồng ruộng; ứng dụng công nghệ thông tin quản lý và sử dụng nước hiệu quả; sử dụng nước linh hoạt; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng thủy lợi kết hợp với giao thông nội đồng; kết nối các vùng sản xuất tập trung với các tuyến giao thông thủy, bộ giữa các vùng đáp ứng nhu cầu vận chuyển nông sản; phát triển liên kết hệ thống kho chứa, nhà máy chế biến nông sản, chợ đầu mối.

- Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vùng nông nghiệp công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Lồng ghép chương trình, dự án để thúc đẩy hạ tầng Logistic, các kho dự trữ, bảo quản, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm.

- Triển khai các chính sách đầu tư, bảo quản, chế biến nông sản. Đồng bộ các giải pháp thúc đẩy cơ giới hóa, nông nghiệp tuần hoàn.

8. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước

- Kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống tổ chức ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật, đảm bảo nguyên tắc ở mỗi cấp chính quyền có tổ chức, con người theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật.

- Tăng cường năng lực tổ chức bộ máy và cơ chế chính sách quản lý ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, phù hợp với nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế và quy định của pháp luật; nâng cao hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, làm tốt chức năng hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản xuất.

- Xã hội hóa các dịch vụ công về trồng trọt, bảo vệ thực vật để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giảm áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp gắn với đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tạo điều kiện doanh nghiệp, người dân thuận lợi đầu tư lĩnh vực trồng trọt.

9. Hợp tác quốc tế Viện, Trường, các tỉnh, thành phố

Triển khai các dự án hợp tác với các tổ chức quốc tế lĩnh vực nông nghiệp, trồng trọt nhằm ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến giảm phát thải khí nhà kính, chuyển đổi số, cơ giới hóa.

Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao.

10. Đánh giá, thanh tra, kiểm tra

Tổ chức kiểm tra nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chiến lược, các chương trình, đề án, dự án thường xuyên, định kỳ. Rà soát, điều chỉnh Chiến lược phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện thực tiễn.

Xây dựng, triển khai kế hoạch, kiểm tra ngành trồng trọt đảm bảo kịp thời, chính xác phục vụ cho chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực để triển khai thực hiện Chiến lược

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Sở thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch. Tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện hàng năm và theo yêu cầu; tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch và tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Tham mưu xây dựng các chương trình, dự án phát triển cây trồng chủ lực của địa phương và triển khai thực hiện; lồng ghép các nội dung của Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch đang thực hiện để có thể thực hiện ngay. Triển khai các giải pháp tăng cường liên sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung.

- Rà soát các cơ chế, chính sách có liên quan đến phát triển trồng trọt của Trung ương và của thành phố, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp nhu cầu, báo cáo đề xuất tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố hoặc trình cấp thẩm quyền cân đối bố trí vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch theo khả năng cân đối nguồn vốn của thành phố trong kỳ trung hạn và hàng năm.

3. Sở Tài chính

Căn cứ đề xuất nhiệm vụ của các đơn vị, khả năng cân đối của ngân sách, ưu tiên bố trí kinh phí theo quy định để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành thành phố, UBND quận, huyện tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh theo chuỗi từ khâu sản xuất nguyên liệu đến bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản chủ lực; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công và xúc tiến thương mại; theo dõi sát sao và nắm bắt thông tin thị trường; Triển khai thực hiện chính sách thương mại hàng nông sản; triển khai các cơ chế, chính sách và hoạt động thúc đẩy tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất, phát triển nông sản; hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, khai thác và phát triển sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hướng dẫn 2 thành lập tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt theo quy định của pháp luật.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất lúa); đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, sử dụng hiệu quả tài nguyên theo hướng khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, an toàn.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 06/05/2022 của UBND thành phố và các chính sách về chuyển đổi số trong nông nghiệp; phối hợp, hỗ trợ xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp để từng bước hình thành Trung tâm điều hành nông nghiệp thông minh; phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Cần Thơ

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai kịp thời các chính sách tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu cho nhu cầu vốn và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn vốn tín dụng để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, cơ giới hóa, công nghiệp chế biến nông sản, phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn.

9. Các sở, ban ngành thành phố có liên quan

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tổ chức thực hiện kế hoạch; hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung thực hiện Kế hoạch theo lĩnh vực được giao phụ trách; chủ động tham mưu UBND thành phố những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Kế hoạch có hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả những nội dung thuộc sở, ngành quản lý và theo dõi, định kỳ tổng hợp

kết quả thực hiện báo cáo Thành ủy, UBND thành phố và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

10. UBND quận, huyện

- Tổ chức tuyên truyền, thông tin, phổ biến sâu rộng nội dung của Kế hoạch đến các tổ chức, cá nhân, cộng đồng người dân nông thôn, doanh nghiệp, hợp tác xã, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, địa phương.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Thực hiện quản lý, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn đảm bảo đáp ứng nhiệm vụ phát triển sản trồng trọt của thành phố đã đề ra trong Kế hoạch này.

- Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp sản xuất, sơ chế, chế biến nông sản trên địa bàn.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể

Chỉ đạo các cấp Hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, UBND thành phố đề nghị Giám đốc sở, thủ trưởng các cơ quan, ban ngành thành phố, UBND quận, huyện và các đơn vị liên quan căn cứ nội dung Kế hoạch tổ chức thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, PCT UBND thành phố (1AC);
- UBMT Tổ quốc VN thành phố và các đoàn thể;
- Các Sở ban, ngành thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Cần Thơ;
- UBND quận, huyện;
- VP. UBND thành phố (2D,3B);
- Lưu: VT.HN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Hè